

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2015/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi số 83/2015/QH13;**Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020;**Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,**Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.***Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.**Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của cả nước, của các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước (dưới đây gọi tắt là Bộ, ngành trung ương và địa phương);

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xác định tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2016 - 2020 cho các Bộ, ngành trung ương và địa phương theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này;

c) Hướng dẫn Bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 của các Bộ, ngành trung ương và địa phương theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Tài chính:

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm để thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xác định tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và số bổ sung trong cân đối ngân sách địa phương cho các địa phương trong giai đoạn 2017 - 2020;

c) Cung cấp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư các thông tin số liệu về thu, chi ngân sách nhà nước của cả nước và từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ cho việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương:

a) Lập kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này;

b) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm của Bộ, ngành trung ương quản lý;

c) Cung cấp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư các thông tin, số liệu thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách phục vụ cho việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển kèm theo Quyết định này, khả năng tài chính và đặc điểm tình hình của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của địa phương báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định;

b) Lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này;

c) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm của tỉnh, thành phố.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn triển khai, theo dõi, đôn đốc Bộ, ngành trung ương và địa phương thực hiện Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. NGÀNH, LĨNH VỰC SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp hoặc không xã hội hóa được thuộc ngành, lĩnh vực sau:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển rừng bền vững; phát triển thủy sản; phát triển giống cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng, tránh thiên tai, bão lụt, hạn hán.

2. Công nghiệp: Các dự án trong lĩnh vực dầu khí được đầu tư từ tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia (nếu có) và tiền đọc tài liệu để lại cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; mạng lưới điện nông thôn, miền núi và hải đảo; mạng lưới điện phục vụ quốc phòng, an ninh; sản xuất năng lượng tái tạo.

3. Thương mại: Các dự án chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Giao thông: Các dự án hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không.

5. Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải: Các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải.

6. Kho tàng: Các dự án kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, lưu giữ hàng dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

7. Văn hóa: Các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa thế giới, các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa.

8. Thể thao: Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao.

9. Du lịch: Các dự án hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch.

10. Khoa học, công nghệ: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; các trạm, trại thực nghiệm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

11. Thông tin: Các dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội, công ích thiết yếu.

12. Truyền thông: Các dự án viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo an toàn thông tin quốc gia.

13. Công nghệ thông tin: Các dự án đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin; bảo mật và an toàn thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước; hạ tầng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử.

14. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục, đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cấp học từ mầm non đến đại học và hạ tầng kỹ thuật các khu đại học.

15. Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm: Các dự án bệnh viện, các cơ sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

16. Xã hội: Các dự án nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe cán bộ, công chức; cai nghiện và các dự án trợ giúp xã hội khác; các dự án cải tạo, nâng cấp các dự án ghi công liệt sỹ.

17. Tài nguyên và môi trường: Các dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo, đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước; quan trắc cảnh báo môi trường; bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

18. Quản lý nhà nước: Các dự án trụ sở, nhà công vụ của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ; trụ sở của các Bộ, ngành trung ương và các tổ chức chính trị - xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư; trụ sở các cơ quan tư pháp; trụ sở của các cấp chính quyền địa phương (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp); dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, nhà ở của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác của Chính phủ Việt Nam ở nước ngoài.

19. Quốc phòng, an ninh: Các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

20. Dự trữ quốc gia: Bổ sung hàng dự trữ quốc gia năm 2016 nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội cấp bách có yêu cầu phải xử lý ngay.

II. NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Nguyên tắc chung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của quốc gia

a) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Bộ, ngành Trung ương và các cấp chính quyền địa phương;

c) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của quốc gia, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công;

đ) Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan;

e) Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong cả nước;

g) Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của các cấp, các ngành;

h) Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

i) Dành khoảng 5% tổng số vốn ngân sách trung ương dự phòng (chưa phân bổ) trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư trung hạn.

2. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của Bộ, ngành trung ương và địa phương

Các Bộ, ngành trung ương và địa phương thực hiện việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 theo các nguyên tắc chung quy định tại các điểm 1 nêu trên và các nguyên tắc cụ thể sau đây:

a) Các Bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến phân bổ chi tiết 90% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn theo danh mục và mức vốn cho từng dự án báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt; dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn của Bộ, ngành trung ương và địa phương mình;

b) Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước trung hạn theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình của Bộ, ngành trung ương và địa phương trong giai đoạn 2016 - 2020 theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Ưu tiên bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

- Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều 54 của Luật Đầu tư công và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

c) Về bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn trả vốn ứng trước:

- Đối với Bộ, ngành trung ương và địa phương có số nợ đọng xây dựng cơ bản và ứng trước không lớn, phải bố trí đủ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi các khoản ứng trước; phần còn lại bố trí vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA và bố trí vốn cho các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp. Số vốn còn lại (nếu có) mới cho phép bố trí khởi công các dự án mới.

- Đối với Bộ, ngành trung ương và địa phương có số nợ đọng xây dựng cơ bản và số ứng trước lớn (kế hoạch đầu tư trung hạn nếu bố trí đủ để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước, sẽ không còn nguồn để đối ứng các chương trình, dự án ODA, bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp), yêu cầu Bộ, ngành trung ương và địa phương:

+ Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản. Đối với địa phương, nếu trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương không cân đối đủ, cho phép địa phương sử dụng nguồn tăng thu (sau khi đã bố trí để cải cách tiền lương) hàng năm để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản. Đối với địa phương không có tăng thu ngân sách phải huy động các nguồn vốn khác, như xổ số kiến thiết và các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán nợ đọng. Địa phương phải xây dựng phương án cụ thể số vốn trả nợ đọng từ kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương và số vốn trả nợ đọng từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

+ Bố trí vốn để thanh toán khoảng 50% số vốn ứng trước theo ngành, lĩnh vực, chương trình.

Số vốn còn lại bố trí để đối ứng các chương trình, dự án ODA, các dự án chuyển tiếp. Không được bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để khởi công các dự án mới, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Trong quá trình điều hành nếu có tăng thu ngân sách trung ương, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư ưu tiên bố trí vốn ngân sách trung ương để thu hồi dứt điểm các khoản ứng trước của Bộ, ngành trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp sử dụng một phần số tăng thu cân đối ngân sách địa phương để hoàn trả các khoản vốn ứng trước; sau khi thanh toán dứt điểm số nợ đọng xây dựng cơ bản và ứng trước, mới được phép sử dụng số tăng thu còn lại để bố trí cho các dự án chuyển tiếp và các dự án khởi công mới.

d) Việc bố trí vốn nước ngoài (ODA) của Bộ, ngành trung ương và địa phương thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Ưu tiên bố trí cho các chương trình, dự án ODA đang triển khai dở dang, hiệu quả; các dự án chuyển tiếp nếu thấy không hiệu quả, phải nghiên cứu dừng ngay việc triển khai thực hiện để bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn vốn vay.

- Đối với các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020 phải kiểm soát chặt chẽ về sự cần thiết, chỉ thực hiện các dự án thực sự hiệu quả; phải phù hợp với khả năng giải ngân vốn ODA theo các Hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ và các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phù hợp với tiến độ triển khai thực hiện đến năm 2020.

- Danh mục các dự án chưa ký kết Hiệp định, trước mắt chưa đưa vào cân đối trong giai đoạn 2016 - 2020;

đ) Về vốn chuẩn bị đầu tư: Bộ, ngành trung ương và địa phương chủ động cân đối trong số vốn được giao theo ngành, lĩnh vực, chương trình để chuẩn bị đầu tư dự án.

III. NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG

1. Bộ, ngành trung ương được bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước gồm:

- Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị.
- Cơ quan tư pháp (Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao).
- Kiểm toán Nhà nước.
- Văn phòng Chủ tịch nước.
- Văn phòng Quốc hội.
- Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan trực thuộc Chính phủ.
- Cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, hiệp hội và các tổ chức phi chính phủ khác, các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện theo các nội dung của Mục II Quy định này về các nguyên tắc chung về phân bổ vốn, thứ tự ưu tiên bố trí vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

- Việc phân bổ vốn theo ngành, lĩnh vực cho các Bộ, ngành trung ương phải nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của cả nước và các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

- Phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa vốn đầu tư cho các Bộ, ngành trung ương và vốn đầu tư theo chương trình bổ sung có mục tiêu và vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương.

- Việc phân bổ vốn cho dự án phải bảo đảm dự án đã có trong quy hoạch được duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Các dự án bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đều phải được thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của các cấp có thẩm quyền.

- Đối với dự án đầu tư do cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức khác quản lý: Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bố trí vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương theo quy định của Luật đầu tư công. Việc phân ngành, lĩnh vực, chương trình của các dự án do các cơ quan nêu trên quản lý theo quy định tại Quyết định này.

IV. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn

- Phải bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước.

- Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương thực hiện cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các địa phương có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về ngân sách trung ương, với việc ưu tiên các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong cả nước.

- Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

2. Tiêu chí phân bổ vốn

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết) cho các địa phương gồm 5 nhóm sau đây:

(1) Tiêu chí dân số, gồm: số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các địa phương.

(2) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương.

(3) Tiêu chí diện tích, gồm: diện tích đất tự nhiên của các địa phương và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

(4) Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp huyện: bao gồm tiêu chí số đơn vị hành chính cấp huyện; số huyện miền núi; vùng cao, hải đảo; biên giới đất liền của từng địa phương.

(5) Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:

- Tiêu chí xã ATK thuộc vùng căn cứ kháng chiến (ATK lịch sử).

- Tiêu chí các xã biên giới đất liền, gồm: các xã biên giới Việt Nam - Trung Quốc, các xã biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia.

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Tiêu chí dân số: bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số năm 2014. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Đến 500.000 người	10
Trên 500.000, cứ tăng thêm 100.000 người được thêm	3

Dân số trung bình của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2014.

(2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số dân	Điểm
Cứ 100.000 người dân tộc thiểu số được	4

Số người dân tộc thiểu số của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2014.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 3 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất, dầu thô và thu thuế xuất nhập khẩu) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương của các tỉnh, thành phố.

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 5% hộ nghèo được	3,5

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2013.

(2) Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm các khoản thu sử dụng đất, dầu thô, thu xuất nhập khẩu):

Thu nội địa	Điểm
Đến 2.000 tỷ đồng	3
Trên 2.000 tỷ đồng đến 20.000 tỷ đồng, cứ 1.000 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	4
Trên 20.000 tỷ đồng đến 60.000 tỷ đồng, cứ 1.000 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	6
Trên 60.000 tỷ đồng đến 100.000 tỷ đồng, cứ 1.000 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	9
Trên 100.000 tỷ đồng, cứ 1.000 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	12

Số thu nội địa của các địa phương (không bao gồm các khoản thu sử dụng đất, dầu thô, thu xuất nhập khẩu) được tính theo dự toán thu NSNN năm 2015 do Thủ tướng Chính phủ giao.

(3) Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương:

Tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương	Điểm
Cứ 5% điều tiết về ngân sách trung ương	2
Trên 5% đến 20%, cứ 5% điều tiết về ngân sách trung ương được tính thêm	4
Trên 20% đến 50%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách trung ương được tính thêm	8
Trên 50%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách trung ương được tính thêm	20

Tỷ lệ điều tiết được tính toán điểm căn cứ vào tỷ lệ điều tiết của ngân sách địa phương về ngân sách trung ương trong thời kỳ ổn định 2011 - 2015.

c) Tiêu chí diện tích, bao gồm 2 tiêu chí: diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

(1) Diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 2.000 km ²	6
Trên 2.000 km ² đến 5.000 km ² , cứ 1.000 km ² tăng thêm được tính thêm	2
Trên 5.000 km ² đến 10.000 km ² , cứ 1.000 km ² tăng thêm được tính thêm	1
Trên 10.000 km ² , cứ 1.000 km ² tăng thêm được tính thêm	0,5

Diện tích đất tự nhiên xác định điểm lấy theo số liệu diện tích đất tự nhiên tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo công bố của Tổng cục Thống kê.

(2) Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ diện tích đất trồng lúa đến 20% không được tính điểm	
Từ trên 20% đến 30%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	0,5
Trên 30% đến 50%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	1
Trên 50% trở lên, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	2

Diện tích đất trồng lúa để xác định điểm tính căn cứ trên diện tích đất trồng lúa đến ngày 01 tháng 01 năm 2014 lấy theo số liệu công bố của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm: tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện (bao gồm số quận, huyện, thị xã), huyện miền núi, huyện vùng cao, hải đảo, huyện biên giới đất liền.

(1) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện:

Đơn vị hành chính cấp huyện	Điểm
Mỗi huyện được tính	1

Số đơn vị hành chính cấp huyện tính toán điểm căn cứ vào số liệu công bố của Bộ Nội vụ về số đơn vị hành chính cấp huyện đến ngày 31 tháng 8 năm 2015.

(2) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện miền núi

Đơn vị hành chính cấp huyện miền núi	Điểm
Mỗi huyện được tính	0,5

Số đơn vị hành chính cấp huyện miền núi tính toán điểm căn cứ vào số liệu công bố của Ủy ban Dân tộc về số đơn vị hành chính cấp huyện miền núi đến ngày 31 tháng 8 năm 2015.

(3) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo

Đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo	Điểm
Mỗi huyện được tính	0,5

Số đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo tính toán điểm căn cứ vào số liệu công bố của Ủy ban Dân tộc về số đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo đến ngày 31 tháng 8 năm 2015.

(4) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền

Đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền	Điểm
Mỗi huyện được tính	1

Số đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền tính toán điểm căn cứ vào số liệu công bố của Bộ Ngoại giao về số đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền đến ngày 31 tháng 8 năm 2015.

e) Các tiêu chí bổ sung

Địa phương	Điểm
01 xã biên giới đất liền (Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia)	0,3
01 xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến (ATK lịch sử)	0,3

Số xã biên giới đất liền (các xã biên giới Việt Nam - Trung Quốc và các xã biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu cung cấp của Bộ Ngoại giao tính đến 31 tháng 8 năm 2015.

Số xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu cung cấp của Bộ Nội vụ tính đến 31 tháng 8 năm 2015.

4. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng tỉnh, thành phố và tổng số điểm của 63 tỉnh, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

- Điểm của tiêu chí dân số:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số chung của tỉnh thứ i là A_i

+ Gọi số điểm của dân số tỉnh thứ i là h_i

+ Gọi số điểm của số dân tộc thiểu số tỉnh thứ i là k_i

Điểm của tiêu chí dân số tỉnh thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i$$

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của tỉnh thứ i là B_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo tỉnh thứ i là n_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm số thu về đất) tỉnh thứ i là o_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương là p_i

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển tỉnh thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + o_i + p_i$$

- Điểm của tiêu chí diện tích:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của tỉnh thứ i là C_i

+ Gọi số điểm diện tích tự nhiên là q_i

+ Gọi số điểm của tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích là r_i

Điểm của tiêu chí diện tích là:

$$C_i = q_i + r_i$$

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện:

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện là D_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện chung tỉnh thứ i là s_i

- + Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện miền núi tỉnh thứ i là t_i
 - + Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện vùng cao, hải đảo tỉnh thứ i là u_i
 - + Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện biên giới đất liền tỉnh thứ i là v_i
- Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính tỉnh thứ i sẽ là D_i :

$$D_i = s_i + t_i + u_i + v_i$$

- Điểm của tiêu chí bổ sung:

- + Gọi số điểm xã biên giới đất liền là E_i .
 - + Gọi số điểm xã thuộc vùng căn cứ cách mạng ATK kháng chiến là F_i .
- Gọi tổng số điểm tiêu chí bổ sung của tỉnh thứ i gọi là L_i :

$$L_i = E_i + F_i$$

- Tổng điểm của tỉnh thứ i :

- + Gọi tổng số điểm của tỉnh thứ i gọi là X_i :

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + L_i$$

- Tổng số điểm của 63 tỉnh, thành phố là Y , ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{63} X_i$$

b) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn đầu tư từ thu chuyển quyền sử dụng đất).

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết) của từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất và xổ số kiến thiết):

$$V_i = Z \times X_i$$

5. Điều chỉnh bất hợp lý

Sau khi phân bổ theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức nêu trên, đối với các địa phương có số vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và xổ số kiến thiết) thấp hơn kế hoạch năm 2015 do Thủ tướng Chính phủ giao sẽ được điều chỉnh theo hệ số 1,2 lần so với kế hoạch năm 2014 (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và xổ số kiến thiết) do Thủ tướng Chính phủ giao.

6. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

a) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2016:

(1) Số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương được tính theo các tiêu chí, định mức quy định tại Điểm 4 và 5 Mục này và dự toán số thu sử dụng đất của địa phương năm 2016.

(2) Riêng đối với các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương giai đoạn 2011 - 2015, nếu số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2016 (không bao gồm số thu từ sử dụng đất) tính theo tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2011 - 2015 lớn hơn số vốn tính theo các tiêu chí, định mức nêu tại tiết (1) trên đây, thì số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2016 sẽ được xác định trên cơ sở số vốn đầu tư trong cân đối tính theo tỷ lệ điều tiết giai đoạn 2011 - 2015 và dự toán số thu sử dụng đất của địa phương năm 2016.

b) Vốn đầu tư trong cân đối của các địa phương năm 2017 được tính tăng 10% so với số vốn đầu tư trong cân đối năm 2016 tính theo tiêu chí, định mức quy định tại nêu Điểm 4 và 5 Mục này và dự toán số thu sử dụng đất và số thu xổ số kiến thiết của địa phương năm 2017.

Vốn đầu tư trong cân đối của các địa phương năm 2017 làm căn cứ để xác định tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và số bổ sung từ ngân sách trung ương cho các địa phương giai đoạn 2017 - 2020.

c) Vốn đầu tư trong cân đối các năm 2018 - 2020 trong thời kỳ ổn định giai đoạn 2017 - 2020:

- Đối với các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương giai đoạn 2017 - 2020, vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương các năm 2018 - 2020 được tính trên cơ sở nguồn thu và tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và dự toán số thu về sử dụng đất và số thu về xổ số kiến thiết hàng năm của các địa phương.

- Đối với các địa phương không có điều tiết về ngân sách trung ương, nguồn thu trong cân đối không tăng hoặc tăng không đáng kể (không đủ bù đắp cho nhiệm vụ thường xuyên), ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối bảo đảm vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương các năm 2018 - 2020 được tính tăng 10% so với dự toán năm trước được Thủ tướng Chính phủ giao và dự toán số thu sử dụng đất và số thu xổ số kiến thiết hàng năm của các địa phương.

V. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

1. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, sau khi Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư của từng chương trình.

2. Đối với vốn trái phiếu Chính phủ: nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện theo quy định trong Nghị quyết của Quốc hội.

VI. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

1. Nguyên tắc chung

a) Về phân bổ vốn các chương trình mục tiêu

- Phải tuân thủ các nguyên tắc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cho chương trình, dự án và điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm được quy định tại Luật đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đầu tư công và văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về đầu tư công trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Thực hiện theo đúng nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên trong bố trí vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình nêu tại Mục II Quy định này.

- Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình mục tiêu đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, quyết định. Các dự án được hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu đều phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với kế hoạch đầu tư công hàng năm, các dự án phải có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

b) Về cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương cho các dự án do địa phương quản lý

- Đối với hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách trung ương thông qua các chương trình mục tiêu, sẽ tập trung cho các dự án lớn, trọng điểm, có tính lan tỏa, có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, các dự án có tính liên tỉnh, liên vùng. Đối với các dự án quy mô nhỏ, các địa phương sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

- Về quy mô dự án hỗ trợ: Để bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả, đối với các dự án mới giai đoạn 2016 - 2020, vốn ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ cho các

dự án từ nhóm B trở lên; trừ trường hợp đặc biệt đối với các dự án cấp bách về phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an ninh, quốc phòng và giải quyết những vấn đề bức xúc nhất của các địa phương do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn danh mục dự án nhóm B đề nghị hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách trung ương phù hợp với số vốn được phân bổ theo từng chương trình cho địa phương.

c) Về mức hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương cho các dự án do địa phương quản lý

Đối với các dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020 được ngân sách trung ương hỗ trợ 100%, bao gồm: vốn chuẩn bị đầu tư, vốn đền bù giải phóng mặt bằng, vốn xây lắp, trang thiết bị và các chi phí khác có liên quan trong tổng mức đầu tư được duyệt theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết và có khả năng cân đối được ngân sách, các địa phương có thể bố trí vốn cân đối ngân sách địa phương hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng,... cho một số dự án cụ thể.

Đối với dự án chuyển tiếp đã được hỗ trợ nguồn vốn ngân sách trung ương trong giai đoạn 2011 - 2015 và dự án mới chưa được bố trí kế hoạch vốn ngân sách trung ương, nhưng trước thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cụ thể hoặc đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định mức vốn ngân sách trung ương cụ thể: tiếp tục hỗ trợ theo mức vốn ngân sách trung ương được quy định tại các quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và mức vốn ngân sách trung ương đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, không phân biệt quy mô dự án, cho đến khi hoàn thành; không áp dụng cơ chế mới về quy mô và tỷ lệ hỗ trợ 100% theo quy định nêu trên cho đến khi hoàn thành dự án.

Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hàng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn cụ thể các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020

(1) Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương nằm trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh của các vùng giai đoạn 2016 - 2020 có các dự án phù hợp đối tượng hỗ trợ của chương trình, trong đó ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các tỉnh nghèo, không tự cân đối được ngân sách, các tỉnh có điều kiện cơ sở hạ tầng kém phát triển.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của các vùng và địa phương, trong đó tập trung chủ yếu là các dự án kết cấu hạ tầng sau:

+ Các dự án giao thông đầu mối, dự án kết nối liên tỉnh, liên vùng của địa phương; đường giao thông kết nối với đường cao tốc, quốc lộ, Khu kinh tế (bao gồm cả Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, khu công nghệ cao), cửa khẩu biên giới quan trọng, cảng biển, cảng hàng không.

+ Các dự án thủy lợi có quy mô lớn, tác động lan tỏa rộng.

+ Cơ sở vật chất và hạ tầng thiết yếu của các trường đại học công lập, khu đại học công lập do địa phương quản lý nằm trong quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng của các tỉnh, huyện mới chia tách.

+ Các kho lưu trữ chuyên dụng do địa phương quản lý theo Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án quan trọng, cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và các nguyên tắc tiêu chí sau:

- Ưu tiên các dự án có tác động lan tỏa lớn, phát huy hiệu quả đồng bộ các dự án, dự án cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, xây dựng.

- Ưu tiên các dự án tạo điều kiện để thu hút các nguồn lực khác để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của địa phương, vùng.

(2) Chương trình mục tiêu Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương**a) Phạm vi hỗ trợ**

Các địa phương có các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đưa vào trong cân đối ngân sách nhà nước, được thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Hỗ trợ cho các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển được cân đối trong ngân sách nhà nước (theo hình thức cấp phát từ ngân sách trung ương) do địa phương trực tiếp làm chủ quản dự án, không bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng hoàn toàn kinh phí sự nghiệp và dự án cho vay lại.

- Đối với các dự án có cơ cấu vốn hỗn hợp gồm cả vốn sự nghiệp và vốn đầu tư, chỉ hỗ trợ phần vốn đầu tư phát triển.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đối ứng

- Các địa phương thuộc diện ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối từ 50% trở lên được hỗ trợ tối đa không quá 80% mức vốn đối ứng của một dự án.

- Các địa phương thuộc diện ngân sách trung ương bổ sung trong cân đối dưới 50% được hỗ trợ tối đa không quá 50% mức vốn đối ứng của một dự án.

- Không hỗ trợ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài của các địa phương có điều tiết về ngân sách trung ương.

(3) Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền vững

a) Phạm vi hỗ trợ

Các Bộ, ngành trung ương và địa phương có dự án thuộc đối tượng đầu tư của chương trình, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương khó khăn, chưa cân đối được ngân sách.

b) Đối tượng hỗ trợ

Các dự án, hạng mục cơ sở hạ tầng quan trọng của các vùng nuôi trồng thủy sản, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, các trung tâm giống, vùng sản xuất giống tập trung, trong đó tập trung ưu tiên các dự án sau:

- Các dự án, hạng mục cấp và tiêu nước, cấp điện, đường giao thông nội vùng của các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng sản xuất giống tập trung quy mô lớn.

- Các trung tâm giống thủy sản quốc gia, trung tâm giống thủy sản cấp vùng, hạ tầng ngoài hàng rào của các trung tâm giống cấp tỉnh nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hạ tầng thiết yếu của cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

- Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

- Về nguyên tắc ưu tiên đầu tư:

+ Về nuôi trồng thủy sản: Ưu tiên bố trí cho các tỉnh ven biển, các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long, các tỉnh có các hồ chứa nước lớn, các tỉnh có tiềm năng nuôi trồng thủy sản trên biển.

+ Về khai thác thủy sản: Ưu tiên các dự án cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, cảng cá loại I.

+ Ưu tiên các dự án kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh, dự án kết hợp cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão.

+ Ưu tiên các dự án có sự tham gia của khu vực tư nhân.

(4) Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững

a) Phạm vi hỗ trợ

Các Bộ, ngành trung ương và các địa phương có dự án thuộc đối tượng đầu tư của chương trình, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương khó khăn, chưa cân đối được ngân sách.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Hỗ trợ người dân trồng rừng và phát triển rừng theo các chính sách quy định của Nhà nước.

- Các dự án, hạng mục hạ tầng cơ bản của trung tâm giống lâm nghiệp cấp tỉnh trở lên, dự án đường lâm nghiệp, hỗ trợ nhà máy chế biến lâm sản, các dự án phòng chống cháy rừng, bảo tồn voi, bảo tồn động vật hoang dã.

- Các dự án, hạng mục hạ tầng thiết yếu của các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên vùng biên giới gắn với quốc phòng an ninh.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và các nguyên tắc, tiêu chí sau:

- Ưu tiên đầu tư các dự án trồng rừng đầu nguồn của các dự án thủy điện, thủy lợi lớn của quốc gia; rừng phòng hộ ven biển; các dự án thuộc địa bàn miền núi, vùng sâu vùng xa nằm trong các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, các xã đặc biệt khó khăn.

- Ưu tiên đầu tư các dự án bảo vệ rừng vườn quốc gia, các khu rừng đặc dụng lớn, bảo tồn động vật hoang dã.

(5) Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư

a) Phạm vi hỗ trợ

Các Bộ, ngành trung ương và địa phương có các dự án thuộc đối tượng đầu tư của chương trình, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương khó khăn, chưa cân đối được ngân sách.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Hạ tầng thiết yếu của các vùng sản xuất tập trung thực hiện chính sách khuyến khích phát triển liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hạ tầng thiết yếu của các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung quy mô lớn, các vùng sản xuất theo quy trình an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Hạ tầng thiết yếu của các trung tâm giống cây trồng và vật nuôi từ cấp tỉnh trở lên nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án thực hiện chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013.

- Các dự án nâng cấp cải tạo hệ thống đê sông, đê biển theo các Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2006; số 667/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2009; số 2068/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Ưu tiên các dự án xung yếu thuộc các tuyến đê trung ương, các tuyến đê bảo vệ các trung tâm kinh tế chính trị quan trọng, vùng tập trung đông dân cư.

- Các dự án nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt, các hệ thống thủy lợi trên các đảo lớn có đông dân cư chưa thực hiện theo Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ; các dự án đầu mối chứa nước phục vụ sinh hoạt cho các huyện núi đá Hà Giang, lục khu Cao Bằng; nâng cấp, sửa chữa, đảm bảo an toàn hồ chứa nước.

- Các dự án hạ tầng thiết yếu nhằm ổn định đời sống dân cư vùng thiên tai, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng, sắp xếp dân cư vùng biên giới, di cư tự do theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Hạ tầng tái định cư các dự án lớn theo các quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

(6) Chương trình mục tiêu Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương theo Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 có các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình, trong đó ưu tiên hỗ trợ các tỉnh nghèo, chưa cân đối được ngân sách, các tỉnh có tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia thấp hơn mức trung bình chung của cả nước, các tỉnh có địa bàn miền núi, các tỉnh biên giới và các tỉnh có các đảo đông dân cư, đảo tiền tiêu có vị trí quốc phòng an ninh quan trọng chưa được cấp điện, cấp điện nhưng chưa ổn định và liên tục.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Các dự án cấp điện đến trung tâm các xã, thôn, bản chưa có lưới điện quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án nâng cấp hoặc xây dựng mới các tuyến đường dây trung áp, hạ áp 3 pha để cấp điện ổn định cho các trạm bơm tưới, tiêu nước của 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (được lồng ghép trong các dự án thành phần cấp điện nông thôn từ lưới điện của các địa phương).

- Các dự án cấp điện cho các đảo.

c) Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này. Riêng về cơ cấu hỗ trợ vốn ngân sách trung ương, thực hiện theo Quyết định số 2081/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

(7) Chương trình mục tiêu Đầu tư hạ tầng Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Phạm vi hỗ trợ

- Các địa phương có Khu kinh tế ven biển đáp ứng các điều kiện sau: (i) được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP; (ii) có Quy hoạch chung xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; (iii) thuộc địa phương có Ban Quản lý Khu kinh tế được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Các tỉnh có Khu kinh tế cửa khẩu được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

- Các tỉnh có khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc địa phương có tỷ lệ bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương so với chi ngân sách địa phương cao hơn 50% và đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Khu công nghiệp nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp của cả nước, đã được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP;

+ Cụm công nghiệp nằm trong Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn được Bộ Công Thương thỏa thuận, có diện tích lớn hơn 25 ha (riêng đối với vùng Trung du miền núi phía Bắc lớn hơn 15 ha), có Quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản pháp lý tương đương, có Quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt, có chủ đầu tư xây dựng hạ tầng và hoạt động theo quy định của pháp luật về quản lý cụm công nghiệp. Tính đến thời điểm được xem xét hỗ trợ có doanh nghiệp đăng ký đầu tư đạt tỷ lệ lấp đầy ít nhất 30%;

+ Ưu tiên các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có vị trí quan trọng trong việc thu hút đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương, đảm bảo thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, phục vụ mục tiêu di dời các cơ sở sản xuất ô nhiễm hoặc nằm xen kẽ trong các khu dân cư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

+ Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp do tổ chức kinh tế 100% vốn của nhà đầu tư Việt Nam làm chủ đầu tư hoặc do đơn vị sự nghiệp được giao làm chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Các địa phương có Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Đối với Khu kinh tế ven biển:

+ Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông chính trong khu;

+ Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các dự án khu nhà ở công nhân và khu tái định cư phục vụ người bị thu hồi đất trong Khu kinh tế ven biển;

+ Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn và hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu chức năng trong Khu kinh tế (bao gồm hệ thống thoát nước, trạm xử lý nước thải tập trung).

- Đối với các Khu kinh tế cửa khẩu:

+ San lấp mặt bằng trong khu;

+ Xây dựng đường giao thông chính và các dự án hạ tầng thiết yếu khác (trạm kiểm soát liên ngành, bến bãi, kè chống sạt lở...) trong nội bộ khu;

+ Xây dựng dự án cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tập trung trong khu.

- Đối với Khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ Hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

+ Đường gom, đường vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Đối với Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp công nghệ cao:

+ San lấp mặt bằng;

+ Xây dựng đường giao thông chính trong nội bộ khu;

+ Xây dựng dự án cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, rác thải;

+ Các dự án hạ tầng thiết yếu khác.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

- Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điều 1 Mục VI Quy định này. Riêng các dự án đầu tư theo hình thức PPP, hỗ trợ theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng dự án.

- Các Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu: Phân bổ tối thiểu 70% tổng vốn đầu tư cho các địa phương có các Khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm, trong đó ưu tiên cho các Khu kinh tế ven biển có các dự án quy mô lớn, có ảnh hưởng đến kinh tế xã hội của vùng và quốc gia đang triển khai, Khu kinh tế cửa khẩu có lưu lượng hàng hóa lớn.

- Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Ưu tiên các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Các địa phương thuộc phạm vi, đối tượng hỗ trợ vốn ngân sách trung ương được xem xét hỗ trợ tối đa không quá 01 khu công

nghiệp và 01 cụm công nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2020. Các địa phương vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên hỗ trợ tối đa trong 5 năm là 170 tỷ đồng/địa phương, trong đó vốn hỗ trợ hạ tầng khu công nghiệp ít nhất là 120 tỷ đồng. Các địa phương khác hỗ trợ tối đa 150 tỷ đồng/địa phương, trong đó vốn hỗ trợ hạ tầng khu công nghiệp ít nhất là 100 tỷ đồng.

+ Vốn đầu tư từ ngân sách trung ương được sử dụng cho các dự án, dự án theo thứ tự ưu tiên sau: (1) Hệ thống xử lý nước thải tập trung; (2) Hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp; (3) Đường gom, đường vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

+ Đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã hỗ trợ trong giai đoạn 2011 - 2015 nhưng chưa đầu tư hoặc đang đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung hoặc nhà máy xử lý nước thải chưa đáp ứng nhu cầu lưu lượng nước thải thực tế tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp thì ngân sách trung ương ưu tiên bố trí vốn cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp này để đầu tư xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Sau khi hoàn thành việc hỗ trợ cho hạng mục nêu trên, số vốn hỗ trợ còn lại sẽ bố trí cho khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo đúng đối tượng, nguyên tắc và thứ tự ưu tiên đã quy định.

- Các Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Thực hiện theo Nghị định số 99/2003/NĐ-CP của Chính phủ, văn bản số 6562/VPCP-KTTH ngày 13 tháng 11 năm 2007, Thông báo số 204/TB-VPCP ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Văn phòng Chính phủ, Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2012 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

(8) Chương trình mục tiêu Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương có các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường, điểm trường có học sinh phổ thông dân tộc bán trú, học sinh dân tộc rất ít người theo học theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Tiếp tục hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho 48 trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc Đề án củng cố và phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường Phổ thông dân tộc nội trú giai đoạn 2011 - 2015 và đầu tư cơ sở vật chất cho 04 trường phổ thông dân tộc nội trú mới được thành lập do chia tách địa giới hành chính và theo quy hoạch mạng lưới điều chỉnh.

- Hỗ trợ các trường, điểm trường phổ thông dân tộc bán trú, kết hợp giải quyết chỗ học cho học sinh các dân tộc rất ít người theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú và Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010 - 2015.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

- Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

- Ưu tiên đầu tư theo thứ tự sau: (1) trường phổ thông dân tộc nội trú, (2) trường và điểm trường phổ thông dân tộc bán trú, (3) trường và điểm trường có học sinh dân tộc rất ít người theo học.

(9) Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội

a) Phạm vi hỗ trợ

Các Bộ, ngành trung ương và các địa phương có cơ sở trợ giúp xã hội nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các tỉnh nghèo, không tự cân đối được ngân sách.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Các dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp cấp tỉnh và trung tâm công tác xã hội cấp tỉnh theo Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí ở cấp tỉnh theo Quyết định số 1215/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện cấp tỉnh theo Quyết định số 2596/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và các nguyên tắc, tiêu chí sau:

- Ưu tiên các dự án của các địa phương có sự tham gia của khu vực tư nhân.

- Mỗi địa phương được hỗ trợ không quá 150 tỷ đồng thực hiện chương trình trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Ưu tiên hỗ trợ đầu tư các địa phương trọng điểm, số lượng đối tượng cần trợ giúp lớn và các địa phương khó khăn về ngân sách nhưng cơ sở trợ giúp xã hội hiện đang thiếu về số lượng và yếu về chất lượng; chưa đáp ứng được yêu cầu chăm sóc, trợ giúp cho các đối tượng.

(10) Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương có các trung tâm y tế hệ dự phòng và dân số - kế hoạch hóa gia đình tuyến tỉnh, vùng, gồm trung tâm y tế dự phòng, y học lao động và vệ sinh môi trường, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống lao, phòng chống sốt rét, da liễu, trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, trung tâm giám định, trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, trung tâm tư vấn và dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình, chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm,... nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đang đầu tư dở dang hoặc chưa được đầu tư, trong đó ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các tỉnh nghèo, không tự cân đối được ngân sách.

b) Đối tượng hỗ trợ

Các dự án xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho các trung tâm cấp tỉnh do các địa phương quản lý, không đầu tư mang tính xây dựng trụ sở.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điều 1 Mục VI Quy định này và các dự án ngân sách trung ương hỗ trợ phải thuộc quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế từng thời kỳ và các Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Ưu tiên cho các địa phương có các dự án xây dựng trung tâm kết hợp các nhiệm vụ chức năng của các cơ sở hoặc cải tạo, nâng cấp các cơ sở sẵn có, các dự án có sự tham gia của khu vực tư nhân.

(11) Chương trình mục tiêu Đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương có dự án thuộc đối tượng đầu tư của chương trình, trong đó ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các tỉnh nghèo, không tự cân đối được ngân sách.

b) Đối tượng hỗ trợ

Các bệnh viện, trung tâm khám chữa bệnh công lập tuyến tỉnh thuộc quy hoạch phát triển tổng thể hệ thống y tế được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Đầu tư các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa; trung tâm khám chữa bệnh tuyến tỉnh, gồm: trung tâm ung bướu, trung tâm tim mạch, trung tâm mắt, trung tâm vận chuyển, cấp cứu, ngoại - chấn thương, sản và nhi,... thuộc Đề án giảm tải bệnh viện giai đoạn 2013 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và các Đề án khác được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các bệnh viện Y học cổ truyền toàn quốc thuộc Đề án Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống bệnh viện y học cổ truyền toàn quốc giai đoạn 2014 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đầu tư trang thiết bị y tế, cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế thuộc đề án phát triển y tế biển đảo đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và các nguyên tắc, tiêu chí sau:

- Ưu tiên đầu tư các dự án nhằm đồng bộ, phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư giai đoạn trước.

- Ưu tiên đầu tư các bệnh viện là bệnh viện trung tâm của các vùng.

(12) Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương có các dự án thuộc đối tượng đầu tư của chương trình, trong đó ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các tỉnh nghèo, không tự cân đối được ngân sách.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Đầu tư các dự án, hạng mục dự án thiết yếu của các dự án tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa được UNESCO công nhận, di tích quốc gia đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ xếp hạng, một số di sản văn hóa, di tích quốc gia có ý nghĩa chính trị, lịch sử và văn hóa truyền thống của dân tộc.

- Một số dự án văn hóa quan trọng, cấp bách theo Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Dự án văn hóa có ý nghĩa biểu tượng quốc gia, ý nghĩa chính trị được Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý chủ trương đầu tư.

- Các hạng mục thiết yếu của dự án khu lưu niệm, nhà lưu niệm các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước và lãnh đạo tiền bối theo Kết luận số 88-KL/TW ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Chính trị và danh nhân văn hóa tiêu biểu của dân tộc.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại điểm 1, Mục VI Quy định này và các nguyên tắc, tiêu chí:

- Ưu tiên các di tích bị xuống cấp trầm trọng, cần bảo tồn khẩn cấp; các di sản văn hóa quan trọng, di tích quốc gia đặc biệt cần phát huy giá trị làm động lực phát triển văn hóa truyền thống và tạo sức lan tỏa.

- Ưu tiên các dự án có sự tham gia của khu vực tư nhân.

(13) Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương thuộc địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng; các địa phương có khu, điểm, tuyến du lịch được xác định tại Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; trong đó ưu tiên hỗ trợ cho các tỉnh nghèo, không tự cân đối được ngân sách.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Đường từ trục chính đến khu du lịch, điểm du lịch, địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng.

- Đường trục chính, hệ thống xử lý chất thải trong khu, điểm du lịch.

- Kè hoặc nạo vét lòng hồ để bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch tại các khu, điểm du lịch, địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và ưu tiên đầu tư cho các dự án lớn, trọng điểm, có tính chất lan tỏa, trước hết là các dự án hạ tầng kết nối thuộc địa bàn các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia, địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng thuộc quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

(14) Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương có các trường dạy nghề chất lượng cao thuộc Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; trường nghề nội trú cho người dân tộc thiểu số và trường dạy nghề cho người khuyết tật; các trung tâm dịch vụ việc làm theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên hỗ trợ cho các tỉnh nghèo, không tự cân đối được ngân sách.

b) Đối tượng hỗ trợ

- 11 trường nghề chất lượng cao theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ thuộc các địa phương khó khăn của các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Duyên hải Miền Trung, trong đó ưu tiên cho các trường nghề trọng điểm;

- 12 trường/khoa đào tạo nghề nội trú cho người dân tộc thiểu số theo Quyết định 1379/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2013;

- 03 trường dạy nghề cho người khuyết tật tại Thái Bình, Thanh Hóa và Bình Thuận.

- Các trung tâm dịch vụ việc làm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên đầu tư các dự án có sự tham gia của khu vực tư nhân.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

(15) Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin

a) Phạm vi hỗ trợ

- Các bộ có các dự án xây dựng cơ sở dữ liệu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015, trong đó ưu tiên các cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Các địa phương có các dự án xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung theo Quyết định số 2407/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; có các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành đảm bảo kết nối liên thông với các cơ quan Trung ương, kết nối liên thông vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó ưu tiên các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Các dự án hệ thống thông tin quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống kết nối thông tin trực tuyến thuộc nền tảng Chính phủ điện tử.

- Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương đáp ứng yêu cầu khung về kiến trúc Chính phủ điện tử; đảm bảo tính bảo mật, an toàn thông tin và kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin của địa phương với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Các dự án hạ tầng và giải pháp công nghệ đảm bảo an toàn, an ninh mạng tập trung đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và mạng máy tính của các cơ quan nhà nước.

- Đầu tư hạ tầng cơ bản trong các Khu Công nghệ thông tin tập trung, phát triển các sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin trọng điểm, sản phẩm an toàn thông tin và các sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ các hệ thống thông tin quốc gia theo mục tiêu cụ thể tại Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

(16) Chương trình mục tiêu Xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương có cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 và 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ có dự án phù hợp đối tượng hỗ trợ của chương trình (trừ các tỉnh, thành phố có điều tiết về ngân sách trung ương).

b) Đối tượng hỗ trợ

- Các bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các điểm tồn lưu hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

(17) Chương trình mục tiêu Ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh

a) Phạm vi hỗ trợ

Các Bộ, ngành trung ương và các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình.

b) Đối tượng hỗ trợ

- 62 dự án thuộc danh mục các dự án ưu tiên tại văn bản số 1443/TTg-QHQT ngày 19 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- 41 dự án trồng rừng ngập mặn và rừng phòng hộ đầu nguồn tại văn bản số 78/TTg-KTTH ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án Năng lượng tái tạo, Tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà, trụ sở; Nông nghiệp sạch và ít phát thải; Giảm phát thải khí nhà kính trong giao thông công cộng và các dự án xung yếu cần bổ sung thực hiện tại các tỉnh và thành phố trên toàn quốc, có tính đến các vùng dễ bị tổn thương bởi nước biển dâng như Đồng bằng Sông Cửu Long, các tỉnh, thành phố có tốc độ phát triển cao trong công nghiệp và năng lượng.

c) Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

(18) Chương trình mục tiêu Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy

a) Phạm vi hỗ trợ

Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có dự án đầu tư thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Các dự án nâng cao năng lực cho lực lượng phòng cháy chữa cháy và cảnh sát giao thông của Bộ Công an quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án nâng cao năng lực cho lực lượng phòng chống tội phạm, ma túy của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

(19) Chương trình mục tiêu Công nghiệp quốc phòng thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị (gọi tắt là CNQP-06/BCT)

a) Phạm vi hỗ trợ

Các Bộ, ngành trung ương và địa phương liên quan, trong đó chủ yếu tập trung cho Bộ Quốc phòng.

b) Đối tượng hỗ trợ

Các dự án được phê duyệt tại các Quyết định số 344/2012/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2012 phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng giai đoạn 2011 - 2015; số 1375/2012/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh mục các dự án đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa công nghệ theo kế hoạch xây dựng phát triển công nghiệp quốc phòng giai đoạn 2011 - 2015 và các quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

Ưu tiên đầu tư các dự án thuộc nhóm các dự án trọng điểm và đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa công nghệ thuộc Quy hoạch, Kế hoạch về công nghiệp quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 344/2012/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2012.

Đối với các dự án lưỡng dụng kết hợp công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân sinh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giao các Bộ, ngành, địa phương thực hiện thì được hỗ trợ 100% vốn đầu tư tương ứng với nội dung đầu tư nhằm đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng được giao.

(20) Chương trình mục tiêu Quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm

a) Phạm vi hỗ trợ

Bộ Quốc phòng, các tỉnh biên giới đất liền, các tỉnh có Vùng CT229 và các tỉnh có mật độ ô nhiễm bom mìn cao.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Đối với nội dung Quản lý bảo vệ biên giới đất liền:

Dự án: (i) Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới Đồn Biên phòng theo mẫu điển hình của Bộ Quốc phòng; (ii) Đường vào đồn biên phòng, đường từ đồn, trạm biên phòng ra mốc quốc giới phục vụ cho nhiệm vụ tuần tra bảo vệ mốc; (iii) đường giao thông phục vụ cơ động lực lượng đảm bảo quốc phòng an ninh, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới.

- Đối với nội dung đầu tư hạ tầng vùng CT229.
- + Các dự án thuộc Đề án 01-229-2009 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1214/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012.
- + Các dự án giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng cho các xã trên địa bàn vùng CT229 và các dự án có tính chất liên vùng nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh cho các xã trên địa bàn vùng CT229.
- Đối với nội dung đầu tư khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh (CT504): Đầu tư các dự án rà phá bom mìn khu vực các tỉnh biên giới phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này. Riêng đối với các dự án rà phá bom mìn khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020, ngân sách trung ương hỗ trợ mỗi tỉnh không quá 01 dự án và mức vốn không quá 50 tỷ đồng.

(21) Chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo

Thực hiện theo Quyết định số 610/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch chương trình Biển Đông - Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng